



Chính phủ Việt Nam - Chương trình
Phát triển Liên hợp quốc

Government of Viet Nam - United
Nations Development Programme

PROJECT

*“Strengthening Access to Justice and
Protection of Rights in Viet Nam”*



*Empowered lives.
Resilient nations.*

BÁO CÁO TỔNG THUẬT

**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ CÁC CHỨC NĂNG VÀ TRÁCH
NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM
QUYỀN VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP**

Đơn vị đầu mối thực hiện:
Vụ Pháp luật Quốc tế, Bộ Tư pháp

HÀ NỘI-2012

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG	5
I. Bối cảnh và sự cần thiết của Báo cáo	5
II. Mục tiêu của Báo cáo	7
III. Phạm vi, nội dung nghiên cứu	8
IV. Phương pháp nghiên cứu	9
V. Cơ cấu của Báo cáo	9
PHẦN II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC, PHỐI HỢP, TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN.....	10
I. Viện kiểm sát nhân dân	11
1. Chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong công tác tương trợ tư pháp.	11
2. Cơ chế phối hợp nội bộ của Viện Kiểm sát trong công tác tương trợ tư pháp .	12
3. Cơ chế phối hợp liên ngành trong hoạt động TTTPHS	14
II. Tòa án nhân dân	14
1. Chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động tương trợ tư pháp	15
2. Tình hình phối hợp thực hiện công tác tương trợ tư pháp của cơ quan tòa án .	16
III. Bộ Tư pháp	19
1. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong công tác tương trợ tư pháp theo quy định pháp luật.....	19
2. Công tác phối hợp liên ngành của Bộ Tư pháp trong hoạt động tương trợ tư pháp	21
IV. Bộ Ngoại giao	25
1. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao trong công tác tương trợ tư pháp theo quy định pháp luật.....	25
2. Tình hình phối hợp tổ chức thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp tại Bộ Ngoại giao	26
V. Bộ Công An	28
1. Các quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an trong công tác tương trợ tư pháp	28
2. Thực tiễn thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp của Bộ Công an	29
PHẦN III. ĐÁNH GIÁ, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	31
I. Đánh giá.....	31
1. Về hoạt động thi hành Luật tương trợ tư pháp.....	31
2. Về tổ chức, phối hợp.....	34
3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	36

II. Đề xuất, kiến nghị	40
1. Về công tác xây dựng hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp	40
2. Về công tác điều ước quốc tế	40
3. Công tác thực hiện ủy thác tư pháp	41
4. Quản lý nhà nước	41
5. Về tổ chức và cơ chế phối hợp	42

LỜI GIỚI THIỆU

Trong khuôn khổ Kế hoạch hoạt động năm 2012 của Dự án Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam, nhóm chuyên gia độc lập đã triển khai hoạt động “Nghiên cứu đánh giá các chức năng và trách nhiệm chính của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp”. Mục tiêu chung của Nghiên cứu là hỗ trợ Bộ Tư pháp đánh giá một cách toàn diện, tổng thể các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp, từ đó đưa ra các đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tương trợ tư pháp.

Trong Báo cáo nghiên cứu, Nhóm chuyên gia độc lập có sử dụng tài liệu, báo cáo và kết quả nghiên cứu của các đồng nghiệp, các cơ quan có liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp.

Nhóm chuyên gia độc lập

- 1, TS. Vũ Đức Long
- 2, TS. Chu Tuấn Đức
- 3, TS. Bùi Nguyên Khánh
- 4, Th.s Đặng Trung Hà
- 5, Th.s Lê Mạnh Hùng

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG

I. Bối cảnh và sự cần thiết của Báo cáo

Sự ra đời của Luật Thương mại năm 2007 (Luật TTTP), sau đó là Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP đã thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thương mại trong bối cảnh cải cách tư pháp và cải cách pháp luật, đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới và khu vực. Sau hơn 4 năm thi hành Luật TTTP, công tác thương mại đã có những bước chuyển tích cực và toàn diện.

Một trong những tác động quan trọng khi Luật TTTP được ban hành và đi vào thực hiện đó là đã góp phần nâng cao nhận thức của các cơ quan nhà nước, của cán bộ và người dân về vai trò của công tác thương mại, về chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan cụ thể trong công tác thương mại. Các văn bản pháp luật mới trong lĩnh vực này đã quy định khá rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực thương mại. Công tác tổ chức và cán bộ thực hiện hoạt động thương mại ở Trung ương đã được quan tâm kiện toàn một bước với việc phân công, phân nhiệm rõ ràng. Các cơ quan đầu mối Trung ương là Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao đều có một bộ phận chuyên trách về thương mại với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn pháp luật, có năng lực.

Trong hơn 4 năm kể từ khi Luật ban hành, công tác đàm phán, ký kết điều ước quốc tế trong lĩnh vực thương mại đã ngày càng có những bước phát triển về cả số lượng và chất lượng. Các Bộ ngành đã đàm phán 20 hiệp định/thỏa thuận song phương trên cả 3 lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù¹. Bên cạnh đó, hoạt động hợp tác quốc tế và tham gia các diễn đàn, điều ước quốc tế đa phương về thương mại được đẩy mạnh. Các cơ quan đầu mối về thương mại đã tích cực tham gia các hội nghị quốc tế, diễn đàn khu vực về pháp luật quốc tế nói chung và về thương mại

¹ Theo Báo cáo Hoạt động thương mại (Phục vụ kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XIII) kể từ sau khi Luật Thương mại được ban hành và có hiệu lực đến 30/6/2012, Bộ Tư pháp đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành tiến hành đàm phán, ký kết mới Hiệp định/thỏa thuận thương mại song phương về dân sự với 6 nước và vùng lãnh thổ, đã ký 3 Hiệp định/thỏa thuận; Bộ Công an đã chủ trì đề xuất tiến hành đàm phán 02 Hiệp định thương mại về hình sự, 04 hiệp định về dẫn độ, 05 hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Trong số đó, 08 hiệp định đã được ký kết; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì đàm phán 5 hiệp định song phương về hình sự.

tư pháp nói riêng như trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, trong khuôn khổ Hội nghị La Hay.

Về công tác thực hiện ủy thác tư pháp, các yêu cầu ủy thác xử lý hàng năm ngày càng tăng về số lượng, phức tạp và đa dạng hơn về nội dung, đối tượng, nước thực hiện/yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp². Tuy nhiên, với các quy định cụ thể và chi tiết về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đầu mối, quy trình thủ tục thực hiện ủy thác tư pháp rõ ràng, công tác thực hiện ủy thác tư pháp ngày càng đi vào nề nếp. Các cơ quan thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp đã luôn cố gắng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Luật Tương trợ tư pháp, nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả các ủy thác tư pháp nhận được.

Về công tác phối hợp giữa các cơ quan thực hiện tương trợ tư pháp, thực hiện quy định của Luật TTTP, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã thiết lập được sự phối hợp trong công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực thi Luật, đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, tiếp nhận, chuyển giao, giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp. Hiện nay, một mạng lưới các cơ quan, cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp ở cấp trung ương đã dần được thiết lập và ngày càng tăng cường sự phối hợp, chia sẻ thông tin trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật tương trợ tư pháp đã bước đầu được thực hiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả bước đầu đáng khích lệ như trên, công tác tương trợ tư pháp vẫn còn những bất cập, hạn chế. Cụ thể như:

- Đến nay các Bộ, ngành vẫn chưa xây dựng được Kế hoạch đàm phán các hiệp định tương trợ tư pháp dài hạn tổng thể cho các lĩnh vực để tạo thuận lợi cho việc phối hợp tổ chức đàm phán.

- Công tác quản lý nhà nước thống nhất về tương trợ tư pháp vẫn chưa thực sự hiệu quả. Các Bộ ngành chưa có đầu tư và quan tâm đúng mức cho công tác tương trợ tư pháp trong nội bộ ngành và trong phối hợp với Bộ ngành khác, chậm xử lý những vấn đề thực tiễn đặt ra. Bộ Tư pháp vẫn chưa phát huy tốt, hiệu quả vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp. Đối với các cơ quan trực tiếp thực hiện tương trợ tư pháp,

² Kể từ sau khi Luật Tương trợ tư pháp được ban hành và có hiệu lực đến 30/6/2012, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận 9.467 hồ sơ UTTP ra của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam và 1.102 hồ sơ ủy thác tư pháp của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài; Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tiếp nhận 199 hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp vào đến từ 28 nước và 83 hồ sơ ủy thác ra của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam; Bộ Công An đã tiếp nhận và thực hiện gần 100 yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của các nước qua kênh Interpol, tiếp nhận 37 yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù cho nước ngoài và 5 yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam.

như các tòa án nhân dân cấp tỉnh hay cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, Viện kiểm sát các cấp, các cơ quan tiến hành tố tụng... thì sự quan tâm tới công tác tổ chức triển khai nhiệm vụ này còn tùy thuộc vào địa phương, nhưng nhìn chung còn chưa bài bản, chuyên nghiệp.

- Một số nội dung quản lý nhà nước đã được quy định cụ thể trong Luật TTTP, Nghị định 92/2008/NĐ-CP nhưng chưa được triển khai trên thực tế như công tác kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp, tổ chức họp liên ngành, định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tương trợ tư pháp. Công tác kiểm tra việc thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp chưa được thực hiện. Tình trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc nắm bắt tình hình, kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong hoạt động tương trợ tư pháp, ảnh hưởng tới hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp lý trong nước và quốc tế về tương trợ tư pháp, hoạt động tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ về tương trợ tư pháp cho các cơ quan thực hiện chưa được quan tâm đúng mức.

Hoạt động tương trợ tư pháp gồm nhiều nội dung từ xây dựng văn bản pháp luật, đàm phán ký kết các hiệp định, thực hiện ủy thác tư pháp và quản lý nhà nước trong lĩnh vực này đến theo dõi thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, công tác tương trợ tư pháp liên quan đến nhiều Bộ, ngành, từ cấp trung ương đến địa phương, từ các cơ quan quản lý nhà nước, xây dựng chính sách đến cơ quan trực tiếp thực thi pháp luật. Hiệu quả của hoạt động tương trợ tư pháp tác động trực tiếp đến công tác xét xử, điều tra, thi hành án của các cơ quan nhà nước ta và tác động trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức có liên quan. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả của công tác tương trợ tư pháp là nhu cầu cấp thiết của sự phát triển, là nhiệm vụ đặt ra đối với các cơ quan có liên quan, đòi hỏi các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan ở các cấp cần triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp.

Xuất phát từ thực trạng và yêu cầu của quá trình phát triển đất nước đặt ra đối với công tác tương trợ tư pháp, cần nghiên cứu, đánh giá một cách tổng thể và toàn diện về công tác tương trợ tư pháp, về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai công tác tương trợ tư pháp để từ đó đưa ra các đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác này.

II. Mục tiêu của Báo cáo

1. *Mục tiêu chung của Báo cáo* là hỗ trợ Bộ Tư pháp đánh giá một cách toàn diện, tổng thể về công tác tương trợ tư pháp từ khi có Luật TTTP cho đến nay, các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp, từ đó đưa ra các đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tương trợ tư pháp.

2. *Mục tiêu cụ thể:* Để đạt được mục tiêu chung nêu trên, Báo cáo này nhằm các mục tiêu cụ thể là:

- Đánh giá thể chế quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có liên quan trong công tác tương trợ tư pháp; bao gồm cả tính hợp lý của việc phân công chức năng đó cho các cơ quan liên quan ở cấp trung ương và ở cấp địa phương,

- Thực trạng thực hiện chức năng, nhiệm vụ đó trong thực tế: kết quả đạt được và những điểm còn tồn tại, những thuận lợi và khó khăn, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm;

- Nghiên cứu thực trạng cơ chế phối hợp của các cơ quan (giữa các cơ quan trung ương, giữa cơ quan trung ương với cơ quan địa phương) trong công tác tương trợ tư pháp: kết quả đạt được và những điểm còn tồn tại, hạn chế, những thuận lợi và khó khăn, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm;

- Đề xuất các kiến nghị điều chỉnh, thay đổi, hợp lý hoá chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp và của các cơ quan khác liên quan, cách thức phối hợp trong công tác tương trợ tư pháp nhằm tăng cường hiệu quả, chất lượng của việc tổ chức thực hiện công tác tương trợ tư pháp.

- Góp phần cung cấp các thông tin cần thiết cho việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật TTTP.

III. Phạm vi, nội dung nghiên cứu

Nội dung của Báo cáo là nghiên cứu, đánh giá một cách tổng thể và toàn diện về công tác tương trợ tư pháp trong thời gian qua, đánh giá chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai công tác tương trợ tư pháp theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp. Nhóm cơ quan được lựa chọn để nghiên cứu, đánh giá gồm:

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao và cấp tỉnh
2. Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án nhân dân cấp tỉnh
3. Bộ Tư pháp

4. Bộ Công An và các cơ quan điều tra
5. Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài:

IV. Phương pháp nghiên cứu

Việc thực hiện nghiên cứu và đánh giá được tiến hành bằng cả hai phương pháp định lượng và định tính, bao gồm nghiên cứu, tổng hợp và rà soát tài liệu, khảo sát bằng phiếu hỏi.

Các chuyên gia thu thập, nghiên cứu và rà soát các tài liệu liên quan đến chức năng và trách nhiệm chính của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong việc thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp (như các văn kiện, nghị quyết của Đảng, các văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, các báo cáo tổng kết, số liệu, thông tin hiện có...), tập hợp nghiên cứu các báo cáo công tác về tương trợ tư pháp (theo khả năng có được) của các Bộ, ngành có liên quan phân tích, đánh giá tổng hợp theo các phần chính của báo cáo.

V. Cơ cấu của Báo cáo

Phần I: Giới thiệu chung

Phần II: Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, phối hợp triển khai công tác tương trợ tư của các cơ quan có liên quan.

Phần III: Tình hình triển khai công tác tương trợ tư pháp

Phần IV. Đánh giá, đề xuất, khuyến nghị

Phần V. Phụ lục

PHẦN II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC, PHỐI HỢP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật Tương trợ tư pháp (Luật TTTP) được Quốc hội ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2008. Luật TTTP có ý nghĩa quan trọng tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho hoạt động tương trợ tư pháp của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Luật TTTP cũng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan trong công tác tương trợ tư pháp. Với sự ra đời của Luật TTTP, công tác tổ chức và cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp ở Trung ương đã được các Bộ, ngành quan tâm kiện toàn với việc hình thành được bộ máy chuyên trách về các lĩnh vực tương trợ tư pháp ở các cơ quan đầu mối, phân công, phân nhiệm rõ ràng cho các đơn vị.

Ở Bộ Tư pháp, một phòng chuyên trách về hoạt động tương trợ tư pháp được thành lập. Đơn vị này có chức năng thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chung về công tác tương trợ tư pháp, đồng thời là đơn vị đầu mối tiếp nhận, tổ chức thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Ở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, nhiệm vụ làm đầu mối thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự được giao cho Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp đảm nhận. Ở Bộ Công an, Vụ Pháp chế được giao nhiệm vụ làm đầu mối tiếp nhận và đề xuất việc thực hiện các ủy thác tư pháp về hình sự với nước ngoài do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến (trong đó có cả các yêu cầu liên quan đến các vụ việc hình sự thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra của lực lượng An ninh nhân dân và Cơ quan điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân); tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định việc dẫn độ và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù. Ở Bộ Ngoại giao, Cục Lãnh sự là đơn vị làm đầu mối thực hiện chức năng liên quan đến tương trợ tư pháp được giao cho Bộ Ngoại giao. Ở Tòa án nhân dân tối cao, hai đơn vị là Viện Khoa học xét xử và Vụ Hợp tác quốc tế được giao thực hiện các nhiệm vụ về tương trợ tư pháp, trong đó Viện khoa học xét xử đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện tương trợ tư pháp cho Tòa án nhân dân các cấp, phối hợp góp ý, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp còn Vụ Hợp tác quốc tế thực hiện vai trò là đơn vị quản lý hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, phụ

trách hoạt động báo cáo, thống kê về tương trợ tư pháp hàng năm. Đội ngũ cán bộ làm việc ở các đơn vị đầu mối này đều được đào tạo cơ bản, có trình độ đại học và trên đại học, ngoại ngữ tốt và thành thạo tin học.

Đối với các cơ quan địa phương trực tiếp thực hiện tương trợ tư pháp, như các tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh/thành phố, hay các cơ quan điều tra... thì sự quan tâm tới công tác tổ chức triển khai nhiệm vụ này còn tùy thuộc vào địa phương.

Dưới đây Báo cáo xin trình bày về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, phối hợp thực hiện công tác tương trợ tư pháp của 5 nhóm cơ quan trực tiếp thực hiện tương trợ tư pháp theo quy định của Luật TTTP gồm: Viện Kiểm sát, Tòa án, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao.

I. Viện kiểm sát nhân dân

1. Chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong công tác tương trợ tư pháp.

Theo quy định của Luật TTTP, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh (VKSND cấp tỉnh) có chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong hoạt động tương trợ tư pháp công tác TTTP như sau:

a. Đối với VKSNDTC

Điều 64 Luật TTTP quy định VKSNDTC có chức năng, nhiệm vụ là:

- Cơ quan đầu mối trong các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, có nhiệm vụ tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các ủy thác tư pháp về hình sự;

- Xem xét, quyết định việc thực hiện và yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân hoặc Cơ quan điều tra có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự; từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự;

- Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp theo thẩm quyền;

- Hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự;

- Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp;

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp.

- Định kỳ sáu tháng và hàng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự.

b, Đối với VKSND cấp tỉnh

Điều 69 Luật TTTP quy định, các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài theo quy định của Luật TTTP;
- Tiến hành các hoạt động tương trợ tư pháp khác theo thẩm quyền;
- Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền và báo cáo kết quả thực hiện tương trợ tư pháp cho VKSNDTC.

2. Cơ chế phối hợp nội bộ của Viện Kiểm sát trong công tác tương trợ tư pháp

2.1. Cơ chế phối hợp nội bộ giữa các đơn vị thuộc VKSNDTC:

Trong quá trình thực hiện vai trò đầu mối về tương trợ tư pháp hình sự, VKSNDTC đã nghiên cứu và ban hành các văn bản hướng dẫn về cơ chế phối hợp nội bộ giữa các đơn vị trong VKSNDTC để thực hiện công tác tương trợ tư pháp về hình sự (Công văn số 2917/VKSTC-HTQT ngày 29/9/2010, Công văn số 117/CV-HTQT ngày 03/11/2011 và Công văn số 115/VKSTC-V4 ngày 18/11/2011). Các văn bản này hướng dẫn chi tiết quy trình tiếp nhận, giải quyết và trao đổi thông tin về các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSNDTC và các VKSND cấp tỉnh.

Trên cơ sở nội dung những văn bản này, việc tiếp nhận, giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thuộc thẩm quyền các đơn vị trực thuộc VKSNDTC và VKSND cấp tỉnh, thực hiện theo quy trình sau:

(1) Đối với yêu cầu tương trợ tư pháp của các nước gửi đến: khi nhận được yêu cầu này, Vụ HTQT&TTTPHS sẽ tổ chức dịch, nghiên cứu, phân loại và giải quyết như sau:

- Nếu thuộc thẩm quyền của Cơ quan CSĐT - BCA, Vụ HTQT&TTTPHS chuyển yêu cầu đến Văn phòng Cơ quan CSĐT - BCA để thực hiện; đồng thời gửi Vụ nghiệp vụ có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng kiểm sát điều tra theo thẩm quyền (nếu có).

- Nếu thuộc thẩm quyền của Cơ quan An ninh điều tra - BCA, Vụ HTQT&TTTPHS chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra - BCA để thực hiện yêu cầu; đồng thời gửi Vụ nghiệp vụ có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng kiểm sát điều tra theo thẩm quyền (nếu có).

- Nếu thuộc thẩm quyền của VKSND cấp tỉnh, Vụ HTQT&TTTPHS chuyển đến VKSND cấp tỉnh để thực hiện yêu cầu.

Kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của các Cục Cảnh sát điều tra và Cơ quan An ninh điều tra thuộc Bộ Công an hoặc của VKSND cấp tỉnh đều được gửi về Vụ HTQT&TTTPHS - VKSNDTC để làm thủ tục chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đồng thời thông báo cho đơn vị nghiệp vụ có liên quan để biết.

(2) Đối với yêu cầu tương trợ tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được thực hiện theo đúng các quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 (các Điều 18, 19, 20 và 22) với quy trình sau:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam khi có yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự với nước ngoài thì lập và gửi hồ sơ ủy thác tư pháp đến Vụ HTQT&TTTPHS - VKSNDTC để kiểm tra tính hợp lệ và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện. Hồ sơ ủy thác tư pháp được lập theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Luật tương trợ tư pháp.

- Trường hợp hồ sơ ủy thác tư pháp không hợp lệ thì Vụ HTQT&TTTPHS - VKSNDTC trả lại cho cơ quan đã lập hồ sơ và nêu rõ lý do, đồng thời hướng dẫn việc lập lại hồ sơ.

- Khi nhận được kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của phía nước ngoài, Vụ HTQT&TTTPHS sẽ chuyển cho cơ quan đã có yêu cầu, đồng thời thông báo cho đơn vị nghiệp vụ có liên quan thuộc VKSNDTC để biết, theo dõi.

2.2 Đánh giá:

Quá trình thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân theo quy trình trên đã tạo sự phối hợp đồng bộ, đạt hiệu quả và đẩy nhanh hơn tiến độ thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự. Vụ HTQT&TTTPHS đã quản lý chặt chẽ các yêu cầu tương trợ đang trong quá trình thực hiện; tổ chức tập huấn cho đối tượng cán bộ trực tiếp thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự trong Ngành Kiểm sát nhân dân; ban hành văn bản hướng dẫn rõ ràng và kịp thời cho các đơn vị có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tương trợ cụ thể và tổng hợp, nghiên cứu các khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn để đề xuất với Lãnh đạo VKSNDTC biện pháp giải quyết. Tuy nhiên, thực tiễn ở địa phương do việc phân công cán bộ còn mang tính kiêm nhiệm, tản mạn nên cán bộ chưa chuyên nghiệp, khó khăn trong việc tích lũy kinh nghiệm

giải quyết các vụ án có yếu tố nước ngoài cần có tương trợ tư pháp hình sự. Dẫn đến, một vướng mắc nhưng Vụ HTQT&TTTPHS phải hướng dẫn nhiều lần.

3. Cơ chế phối hợp liên ngành trong hoạt động TTTPHS

Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp trong quá trình tiếp nhận, giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự cũng như thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp. Theo đó, các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đã được Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp nhận, tổ chức giải quyết đúng thẩm quyền, thời hạn do Luật tương trợ tư pháp quy định. Trong hoạt động đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã bắt đầu chủ động đề xuất đàm phán ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với một số nước có nhu cầu. Trong công tác xây dựng thể chế, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đang chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật tương trợ tư pháp liên quan đến lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự. Bên cạnh đó, VKSNDTC cũng đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan trong hoạt động tương trợ tư pháp, cụ thể:

- Hoạt động phối hợp với Bộ Tư pháp - cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động tương trợ tư pháp:

Hoạt động phối hợp giữa VKSNDTC và Bộ Tư pháp trong công tác tương trợ tư pháp được thực hiện trên cơ sở Luật Tương trợ tư pháp và Nghị định số 92/2008/NĐCP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp. Theo đó, VKSNDTC phối hợp với Bộ Tư pháp trong các mảng công tác xây dựng pháp luật về tương trợ tư pháp, trong hoạt động đàm phán điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp, trong hoạt động giải quyết các vụ việc tương trợ tư pháp về hình sự phức tạp cần phối hợp liên ngành, trong hoạt động quản lý nhà nước như tổng kết, báo cáo...

- Với Bộ Công an là cơ quan trực tiếp thực hiện phần lớn các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự: VKSNDTC có quan hệ công tác với C44 (Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra), V19 (Vụ Pháp chế) và C55 (Văn phòng Interpol Việt Nam). VKSNDTC phối hợp chủ yếu với C44-BCA trong việc thực hiện các tương trợ tư pháp hình sự cụ thể. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này và hiệu quả thiết thực của việc phối hợp, giữa 2 đơn vị đã xây dựng Quy chế phối hợp trong việc thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự (Quy chế phối hợp ngày 11/10/2011).

II. Tòa án nhân dân

1. Chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động tương trợ tư pháp

Luật Tương trợ tư pháp đã xác định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong tương trợ tư pháp.

a. Tòa án nhân dân tối cao

TANDTC có thẩm quyền, trách nhiệm trong công tác TTTP³ gồm :

- Hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp thực hiện tương trợ tư pháp.
- Xem xét, quyết định các vụ việc về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo thẩm quyền.
- Định kỳ sáu tháng và hằng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình thực hiện tương trợ tư pháp thuộc thẩm quyền.

Để cụ thể hóa một số quy định của Luật TTTP, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/08/2008, trong đó đã quy định và hướng dẫn chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và một số cơ quan hữu quan khác trong các hoạt động sau đây: (i) xây dựng pháp luật trong nước và hoạt động đàm phán, ký kết, thực hiện các hiệp định tương trợ tư pháp; (ii) tổ chức các lớp bồi dưỡng pháp luật trong nước, điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp, hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động tương trợ tư pháp cho các cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp; (iii) tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; (iv) tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tương trợ tư pháp; và (v) tổng kết, báo cáo Chính phủ về hoạt động tương trợ tư pháp hàng năm.⁴

b. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố

Theo quy định của Điều 68 Luật TTTP, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm :

- Thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài theo quy định của Luật TTTP.
- Xem xét, quyết định dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù hoặc từ chối dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của Luật TTTP.
- Tiến hành các hoạt động tương trợ tư pháp khác theo thẩm quyền.

³ Điều 63, Luật TTTP

⁴ Các điều 6, 7, 8 và 9 Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/08/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp.

- Báo cáo kết quả thực hiện tương trợ tư pháp cho Tòa án nhân dân tối cao.

Để triển khai thi hành nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật tương trợ tư pháp năm 2007, ngày 15/09/2011 Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật Tương trợ tư pháp”. Thông tư liên tịch này hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện ủy thác tư pháp cũng như trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự. Trong giai đoạn này, thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp tiếp tục được khẳng định tại các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự; dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù mà Việt Nam ký kết với nước ngoài.

2. Tình hình phối hợp thực hiện công tác tương trợ tư pháp của cơ quan tòa án

2.1. Công tác phối hợp đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp

Trong công tác này, Tòa án nhân dân tối cao đã tích cực phối hợp với các cơ quan chủ trì tiến hành xây dựng, đàm phán, ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp. Tòa án nhân dân tối cao đã tham gia 05 đoàn đàm phán, ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự; 08 đoàn đàm phán, ký kết hiệp định về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; 07 đoàn đàm phán và ký kết hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và 01 đoàn rà soát hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự.

2.2. Công tác phối hợp ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của pháp luật trong nước về tương trợ tư pháp

Tòa án nhân dân tối cao đã tích cực phối hợp với Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Luật tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự và dẫn độ. Ngày 15/09/2011 Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật Tương trợ tư pháp”. Đồng thời, Tòa án nhân dân tối cao cũng đang phối hợp với cơ quan chủ trì là Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng các Thông tư liên tịch hướng dẫn một số quy định của Luật tương trợ tư pháp về dẫn độ và chuyển giao tài liệu, chứng cứ để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội.

2.3. Phối hợp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp

- Về công tác sơ kết, tổng kết: Hoạt động sơ kết, tổng kết công tác tương trợ tư pháp bắt đầu được TANDTC quan tâm thực hiện kể từ năm 2011, cụ thể là phối hợp với Bộ Tư pháp tiến hành sơ kết 03 năm thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007, tiếp theo đó là xây dựng Báo cáo công tác tương trợ tư pháp của Chính phủ trình Quốc Hội tại Kỳ họp Thứ tư Quốc hội khóa XIII (tháng 10/2012). Cũng từ năm 2011, TANDTC đã nghiên túc thực hiện sơ kết 6 tháng và tổng kết hàng năm gửi Bộ Tư pháp tổng hợp theo quy định của Luật TTTP và Nghị định số 92/2008/NĐ-CP của Chính phủ

- Về phối hợp kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn thực hiện ủy thác tư pháp: TANDTC đã phối hợp với Bộ Tư pháp (chủ trì) thực hiện một số lớp tập huấn về hoạt động tương trợ tư pháp cho tòa án cấp tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Đồng thời, trong tháng 10 năm 2012, 1 Tòa án nhân dân tối cao đã phối hợp với cơ quan chủ trì là Bộ Tư pháp tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự tại một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh

- Về hoạt động phối hợp giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn triển khai các hoạt động ủy thác tư pháp:

Về phối hợp liên ngành: TANDTC chưa chủ động đề xuất với Bộ Tư pháp để tổ chức các cuộc họp định kỳ để thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tương trợ tư pháp cũng như để thông báo tình hình và trao đổi các vấn đề phối hợp giữa hai cơ quan.

Về phối hợp nội bộ giữa ngành Tòa án: Kể từ khi Luật TTTP có hiệu lực cho đến nay, TANDTC cũng chưa có văn bản hướng dẫn các tòa địa phương xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến ủy thác tư pháp. Bên cạnh đó, các tòa án địa phương thường liên hệ trực tiếp với Bộ Tư pháp (cơ quan đầu mối trung ương về TTTP trong lĩnh vực dân sự), để trao đổi về các vấn đề vướng mắc liên quan đến ủy thác tư pháp.

Sự phối hợp giữa tòa án địa phương và TANDTC trong việc đề xuất các vấn đề cần hướng dẫn, quy định cũng chưa được chặt chẽ, đặc biệt trong việc góp ý, xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật TTTP trong thời gian qua (Thông tư kinh phí, Thông tư về phí, lệ phí TTTP).

2.4. Công tác tổ chức thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp theo quy định tại các hiệp định tương trợ tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật trong nước về tương trợ tư pháp

Trong giai đoạn này hoạt động tương trợ tư pháp của các Tòa án nhân dân chủ yếu phát sinh trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình mà có một bên đương sự ở nước ngoài mà nước đó chưa ký Hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam về vấn đề này. Đối với hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù thì chỉ có một trường hợp do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị chuyển giao người đang thi hành hình phạt tù tại Quảng Nam về nước yêu cầu và một trường hợp do Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị chuyển giao người đang thi hành hình phạt tù tại Lào về Việt Nam để tiếp tục thi hành án. Ngoài ra, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh chưa giải quyết bất cứ yêu cầu dẫn độ nào theo quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 cũng như theo quy định của các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ.⁵ Thực tiễn thi hành các hiệp định tương trợ tư pháp và các quy định của pháp luật trong nước về tương trợ tư pháp trong giai đoạn này cho thấy hoạt động tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự gặp rất nhiều khó khăn. Trước khi ban hành Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự”, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh còn lúng túng, sai sót nhiều trong việc thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp. Sai sót của các Tòa án chủ yếu liên quan đến việc lập hồ sơ, không tuân thủ quy trình, thủ tục thực hiện tương trợ tư pháp. Do đó, đa số các Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã tuân thủ hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 khi thực hiện tương trợ tư pháp nên đã không có sai sót lớn. Mặc dù vậy, tình hình ủy thác tư pháp ra nước ngoài của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong giai đoạn này cũng gặp khó, phần lớn các yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị cơ quan của nước ngoài từ chối thực hiện hoặc không nhận được kết quả trả lời.

2.5. Công tác tổ chức nhân sự phục vụ cho việc thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động tương trợ tư pháp

Trong giai đoạn này, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh vẫn chưa được phép lập Phòng chuyên trách để thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp. Công việc này vẫn được giao cho cán bộ Tòa án mà trong nhiều trường hợp năng lực của cán bộ được giao chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác.

⁵ Công văn số 113/TANDTC-HTQT ngày 18/07/2011 của Tòa án nhân dân tối cao về tình hình thực hiện tương trợ tư pháp trong 03 năm (2008-2011).

Tại Tòa án nhân dân tối cao thì công tác này có một số chuyển biến đáng ghi nhận. Viện khoa học xét xử tiếp tục được giao là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Tòa án nhân dân tối cao trong hoạt động về xây dựng và hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật tương trợ tư pháp trong nước; tham gia đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự và dẫn độ và tham gia các hoạt động phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện các nhiệm vụ quy định trong Luật tương trợ tư pháp năm 2007. Để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, năm 2011, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã thành lập Phòng nghiên cứu pháp luật quốc tế trực thuộc Viện khoa học xét xử.

III. Bộ Tư pháp

1. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong công tác tương trợ tư pháp theo quy định pháp luật

Theo quy định của Luật TTTP và Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP, Bộ Tư pháp được giao là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động tương trợ tư pháp, đồng thời là cơ quan đầu mối thực hiện tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Bộ Tư pháp trong công tác tương trợ tư pháp được quy định tập trung tại Điều 62 Luật Tương trợ tư pháp và Điều 6 Nghị định 92 năm 2008, theo đó, Bộ Tư pháp có những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

i) Tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các ủy thác tư pháp về dân sự.

ii) Trao đổi thông tin về pháp luật và thực tiễn tương trợ tư pháp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

iii) Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp, cụ thể :

+ Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tương trợ tư pháp; ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tương trợ tư pháp; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,

Bộ Công an, Bộ Ngoại giao ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên tịch hướng dẫn hoạt động tương trợ tư pháp.

+ Phối hợp với cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp xây dựng kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp theo quy định tại các Điều 63, 64, 65 và 66 của Luật Tương trợ tư pháp; chủ trì đàm phán các hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự; phối hợp với Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan đàm phán các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của pháp luật; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan lập kế hoạch triển khai thực hiện các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trình Chính phủ quyết định; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

iv) Thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước khác, gồm

+ Chủ trì, phối hợp với Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao tổ chức các lớp bồi dưỡng pháp luật trong nước, điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp, hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động tương trợ tư pháp cho các cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật về tương trợ tư pháp.

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và Toà án nhân dân tối cao tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự tại các Toà án nhân dân và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao kiểm tra việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù nhằm phát hiện kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật liên quan.

Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tương trợ tư pháp.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổng kết, báo cáo Chính phủ về hoạt động tương trợ tư pháp hàng năm theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp.

Để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ nêu trên, kể từ khi Luật TTTP được ban hành, công tác tổ chức và cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp ở Bộ Tư pháp đã được quan tâm kiện toàn một bước với việc phân công, phân nhiệm rõ ràng cho các đơn vị, bố trí cán bộ có trình độ, năng lực. Bộ Tư pháp đã thành lập một phòng chuyên trách về công tác tương trợ tư pháp (Theo quyết định số 810/QĐ-BTP ngày 16/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế, Phòng Tương trợ tư pháp trực thuộc Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị chuyên trách về công tác tương trợ tư pháp). Phòng này thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác tương trợ tư pháp và tiếp nhận, tổ chức thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự. Đội ngũ cán bộ của Phòng tương trợ tư pháp đều được đào tạo bài bản về luật, có trình độ ngoại ngữ, tin học và có kiến thức về pháp luật quốc tế. Bên cạnh bộ phận chuyên trách về tương trợ tư pháp còn có sự phối hợp của các đơn vị có liên quan trong Bộ thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của Bộ Tư pháp được phân công theo quy định của Luật.

2. Công tác phối hợp liên ngành của Bộ Tư pháp trong hoạt động tương trợ tư pháp

2.1. Chủ trì, phối hợp thực hiện ủy thác tư pháp trong lĩnh vực dân sự

Theo quy định của Luật TTTP, Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, có những trách nhiệm vụ tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các ủy thác tư pháp về dân sự.

a. Thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (Ủy thác tư pháp vào).

Quy trình ủy thác tư pháp về dân sự theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài được thực hiện như sau:

- Trường hợp có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp:

Cơ quan có thẩm quyền nước yêu cầu → Cơ quan trung ương của nước yêu cầu → Bộ Tư pháp Việt Nam → Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Trường hợp không có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp:

Cơ quan có thẩm quyền nước yêu cầu → Bộ Ngoại giao Việt Nam → Bộ Tư pháp Việt Nam → Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện.

Theo sơ đồ trên thì Bộ Tư pháp Việt Nam là cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận các ủy thác tư pháp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Sau khi tiếp nhận hồ sơ ủy thác tư pháp, Bộ Tư pháp sẽ gửi đến cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền (đối với việc tổng đạt giấy tờ, xác minh, thu thập chứng cứ giải quyết các vụ việc dân sự) và trong một số trường hợp còn gửi cho Sở Công an (đối với việc xác minh tính xác thực của Giấy phép lái xe, Chứng minh thư nhân dân), Ủy ban nhân dân các phường (đối với việc xác minh địa chỉ, xác minh tình trạng hôn nhân, xác minh tình trạng nhân thân cũng như những thông tin có liên quan đến đương sự), các trường học (đối với việc xác minh tính xác thực của Bằng tốt nghiệp đại học và Bằng tốt nghiệp phổ thông)... Sau khi có kết quả trả lời từ cơ quan có thẩm quyền Việt Nam gửi đến, Bộ Tư pháp sẽ thông báo cho cơ quan Trung ương của nước yêu cầu theo quy định của Hiệp định tương trợ tư pháp hoặc thông báo cho Bộ Ngoại giao Việt Nam để cơ quan này thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài.

b. Ủy thác tư pháp về dân sự theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (Ủy thác tư pháp ra).

Quy trình Ủy thác tư pháp ra được thực hiện như sau:

- Trường hợp có Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự:

Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp khác của Việt Nam → Bộ Tư pháp Việt Nam → Cơ quan trung ương của nước được yêu cầu theo quy định của Hiệp định → Cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu thực hiện.

- Trường hợp không có Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự:

Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp khác của Việt Nam → Bộ Tư pháp Việt Nam → Bộ Ngoại giao Việt Nam → Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài → Bộ Ngoại giao nước được yêu cầu → Cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu.

Nếu đương sự mang quốc tịch Việt Nam thì việc ủy thác tư pháp sẽ do Cơ quan đại diện của Việt Nam (các Đại sứ quán và các lãnh sự quán) thực hiện.

Theo sơ đồ trên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (chủ yếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Cục thi hành án) sẽ lập hồ sơ ủy thác tư pháp gửi đến cho Bộ Tư pháp Việt Nam. Trong trường hợp có Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu, Bộ Tư pháp Việt Nam sẽ chuyển yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan trung ương của nước yêu cầu theo quy định của Hiệp định. Trong trường hợp không có Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt

Nam và nước được yêu cầu, Bộ Tư pháp Việt Nam sẽ chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Ngoại giao Việt Nam để Bộ Ngoại giao thực hiện theo kênh ngoại giao như sơ đồ miêu tả ở trên.

Như vậy, với quy trình thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự ra và vào như nêu trên, trong quá trình thực hiện, Bộ Tư pháp thường xuyên phối hợp với TAND cấp tỉnh, Bộ Ngoại giao, TANDTC, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cụ thể như sau:

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao tiếp nhận và chuyển giao xử lý các hồ sơ ủy thác tư pháp
- Phối hợp với trực tiếp và chặt chẽ với các tòa án cấp tỉnh, thành phố trong việc hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện các hồ sơ ủy thác tư pháp, tiếp nhận, chuyển giao và trả lời các kết quả ủy thác tư pháp
- Bộ Tư pháp cũng cần sự phối hợp của TANDTC trong việc đôn đốc, hướng dẫn và tổng kết rút kinh nghiệm cho các tòa địa phương;
- Phối hợp thu thập thông tin, thực hiện các ủy thác tư pháp cho công dân Việt Nam.

Hiện nay, một mạng lưới các cơ quan, cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp ở cấp trung ương đã được thiết lập và ngày càng tăng cường sự phối hợp, chia sẻ thông tin trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng thường xuyên tiếp nhận và xử lý những yêu cầu đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện ủy thác tư pháp từ các cơ quan địa phương như tòa án địa phương, cơ quan thi hành án dân sự địa phương. Đơn vị trực tiếp đảm nhận việc thực hiện ủy thác tư pháp của Bộ đã thiết lập được quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với các tòa án địa phương có nhiều ủy thác tư pháp để kịp thời hướng dẫn, xử lý các hồ sơ được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

2.2. Trong hoạt động xây dựng pháp luật, đàm phán, ký kết và thực thi các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp

a. Trong lĩnh vực dân sự:

Với vai trò là cơ quan đầu mối trong tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì hoạt động đàm phán, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về dân sự. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp còn là cơ quan chủ trì, nghiên cứu, đề xuất gia nhập các điều ước quốc tế đa phương về tư pháp quốc tế nói chung và tương trợ tư pháp nói riêng.

Để thực hiện các nhiệm vụ này, Bộ Tư pháp đã có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan gồm các cơ quan trực tiếp tham gia vào công tác

tương trợ tư pháp như Bộ Ngoại giao, Bộ Công An, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan khác như Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước. Việc phối hợp được thực hiện thông qua các hoạt động gửi lấy ý kiến góp ý, mời tham gia Hội đồng thẩm định các điều ước quốc tế; đề nghị các Bộ, ngành cử đại diện tham gia đoàn đàm phán.

Sau khi các điều ước đi có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành tuyên truyền, phổ biến các cam kết này đến các cơ quan có liên quan, đặc biệt là đến các địa phương để tổ chức thực hiện được thống nhất và đúng cam kết.

Liên quan đến việc thực thi các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, bên cạnh sự phối hợp nội bộ liên ngành giữa các cơ quan trong nước của Việt Nam thì sự phối hợp giữa các cơ quan trung ương (đầu mối) của các bên cũng rất quan trọng. Đối với các Hiệp định mới được ký kết và thực thi kể từ khi Luật TTTP có hiệu lực (từ 2008) đến nay, sự phối hợp giữa Bộ Tư pháp- cơ quan đầu mối Việt Nam với Cơ quan đầu mối phía nước ngoài khá chặt chẽ và được thiết lập từ giai đoạn đàm phán. Tuy nhiên, đối với các Hiệp định được ký kết trước thời gian này thì sự phối hợp giữa cơ quan đầu mối Việt Nam với cơ quan đối tác nước ngoài hầu như chưa được quan tâm.

b. Trong lĩnh vực hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù

Với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp, Bộ Tư pháp đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành trong soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực thi Luật TTTP; tham gia đàm phán, góp ý, thẩm định các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng phối hợp với Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao xử lý những yêu cầu ủy thác phức tạp và nhạy cảm.

3.3 Phối hợp trong công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong nước về tương trợ tư pháp

Trong thời gian qua, thực hiện quy định của Luật TTTP, trong lĩnh vực dân sự, Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp đồng thời là cơ quan đầu mối về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đã chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật TTTP với 9 văn bản theo Kế hoạch. Việc phối hợp được thực hiện thông qua việc trực tiếp tham gia ban soạn thảo, tổ biên tập các thông tư liên tịch hoặc qua hình thức góp ý.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tiến hành tổng rà soát toàn bộ hệ thống các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến tương trợ tư pháp để đề xuất việc sửa đổi, bổ sung hay ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về tương trợ tư pháp trong thời gian tới.

Tuy nhiên, thực tiễn tổ chức, thực hiện hoạt động này cũng còn nhiều vấn đề cần khắc phục (xin được đề cập chi tiết tại phần sau của Báo cáo này)

3.4 Công tác phối hợp thực hiện vai trò cơ quan quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp nói chung:

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành triển khai một số hoạt động quản lý nhà nước khác cụ thể là: tổ chức hoạt động tổng kết, báo cáo công tác tương trợ tư pháp theo quy định của Luật TTTP; tổ chức các cuộc họp liên ngành trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tương trợ tư pháp; phối hợp với Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao tổ chức đoàn công tác liên ngành kiểm tra tình hình thực hiện ủy thác tư pháp tại một số tòa án tỉnh, thành phố để trao đổi, đánh giá công tác tương trợ tư pháp và thu thập các kiến nghị của các tòa địa phương đối với việc hoàn thiện thể chế; phối hợp tổ chức các lớp hướng dẫn, tập huấn về nghiệp vụ tương trợ tư pháp.

Trên thực tế, các hoạt động này được triển khai và quan tâm ở mức độ khác nhau. Báo cáo xin đưa ra các đánh giá cụ thể tại phần dưới.

IV. Bộ Ngoại giao

1. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao trong công tác tương trợ tư pháp theo quy định pháp luật

Theo Luật Tương trợ tư pháp và Thông tư liên tịch liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật tương trợ tư pháp, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm và quyền hạn sau trong lĩnh vực UTTP về dân sự:

i) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp với các nước hữu quan; Định kỳ 06 tháng và hằng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp với nước hữu quan.

ii) Chuyên hồ sơ UTTP đối với công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo yêu cầu của Tòa án cấp tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Tư pháp chuyển đến; chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp theo yêu cầu của nước ngoài đến Bộ Tư pháp.

iii) Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp;

Cũng theo các văn bản trên, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài có những trách nhiệm, quyền hạn sau trong lĩnh vực UTTP về dân sự:

i) Thực hiện các UTTP có liên quan đến công dân Việt Nam ở nước sở tại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trong nước theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và không trái với pháp luật của nước sở tại;

ii) Chuyển hồ sơ UTTP của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho Bộ Ngoại giao của các nước sở tại để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước này xem xét, thực hiện (hồ sơ ủy thác tư pháp đối với công dân, pháp nhân nước ngoài).

iii) Tiếp nhận các yêu cầu UTTP của nước ngoài và chuyển về cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước;

2. Tình hình phối hợp tổ chức thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp tại Bộ Ngoại giao

2.1. Phối hợp xử lý hồ sơ UTTP về dân sự

a. Phối hợp xử lý hồ sơ UTTP theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam

+ *Tổng đạt hồ sơ, lấy lời khai đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước sở tại:*

- Sau khi nhận được công văn đề nghị của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao sẽ gửi công văn kèm theo các hồ sơ sang cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài để giải quyết.

Cơ quan đại diện Việt Nam sẽ kiểm tra, đăng ký vào sổ theo dõi và gửi giấy mời đương sự đến trụ sở cơ quan để lấy lời khai, tổng đạt bản án và các giấy tờ khác và gửi văn bản thông báo kết quả về Bộ Ngoại giao .

+ *Tổng đạt hồ sơ, lấy lời khai đối với công nước sở tại:*

- Đối với những hồ sơ UTTP tổng đạt cho công dân nước ngoài, cơ quan đại diện Việt Nam đăng ký vào sổ theo quy định và gửi công hàm kèm theo hồ sơ UTTP đến Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của nước sở tại

đề nghị thực hiện UTTP và trả lệ phí nếu được yêu cầu. Sau khi nhận được kết quả, cơ quan đại diện Việt Nam sẽ gửi về Bộ Ngoại giao để chuyển Bộ Tư pháp.

- Theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp, đối với những nước chưa ký thỏa thuận hay hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam thì việc UTTP được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại. Luật Tương trợ tư pháp cũng quy định trách nhiệm của Bộ Ngoại giao là chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại, tuy nhiên, cho đến nay chưa nước nào nêu ra vấn đề nguyên tắc có đi có lại trong việc thực hiện UTTP về dân sự và ta cũng chưa nêu vấn đề này với các nước hữu quan.

b. Phối hợp xử lý hồ sơ UTTP theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài:

Bộ Ngoại giao là cơ quan tiếp nhận các hồ sơ ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài trong trường hợp Việt Nam và nước yêu cầu chưa ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, sau đó chuyển đến Bộ Tư pháp; Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc trả lại hồ sơ nếu hồ sơ không hợp lệ. Sau khi nhận kết quả UTTP từ Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao gửi công hàm thông báo đến cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, đề nghị cử đại diện đến Bộ Ngoại giao để nhận kết quả UTTP với mức phí tạm thu là 550.000 VND/hồ sơ.

2.2. Phối hợp trong công tác hoàn thiện thể chế

a. Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật tương trợ tư pháp

Trong thời gian qua, Bộ Ngoại giao đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác xây dựng pháp luật về tương trợ tư pháp thông qua việc tham gia các ban, nhóm soạn thảo các thông tư hướng dẫn thi hành. Tuy chỉ là cơ quan phối hợp nhưng các chuyên viên của Bộ Ngoại giao tham gia các nhóm soạn thảo đã chủ động đề xuất, xây dựng các nội dung pháp luật tương trợ tư pháp liên quan đến lĩnh vực của ngành mình phụ trách cần quy định hướng dẫn, đồng thời tích cực nghiên cứu, góp ý với các nội dung khác.

b. Đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp

Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong hoạt động này theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp và Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế được thể hiện:

- Đề xuất việc đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp;
- Kiểm tra việc đề xuất, đàm phán, ký Hiệp định tương trợ tư pháp;

- Phối hợp tham gia đoàn đàm phán Chính phủ, góp ý kiến về nội dung dự thảo Hiệp định và Tờ trình Chính phủ về việc đàm phán, ký kết Hiệp định;

- Rà soát đối chiếu văn bản Hiệp định tiếng Việt với văn bản Hiệp định tiếng nước ngoài đảm bảo sự chính xác về nội dung và thống nhất về hình thức trước khi tiến hành ký kết;

- Thực hiện các thủ tục đối ngoại về cấp giấy ủy quyền đàm phán, ký Hiệp định.

V. Bộ Công An

1. Các quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an trong công tác tương trợ tư pháp

Điều 14 Luật Công an nhân dân quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an nhân dân “3. *Tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm, khởi tố, điều tra tội phạm và thực hiện các nhiệm vụ tư pháp khác theo quy định của pháp luật*”. Một trong số các nhiệm vụ tư pháp này là tương trợ tư pháp theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007.

Theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, Bộ Công an là cơ quan có trách nhiệm:

i) Tiếp nhận, chuyển giao, xem xét, giải quyết các yêu cầu của nước ngoài về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; xem xét và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền.

ii) Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp.

iii) Định kỳ sáu tháng và hằng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình thực hiện yêu cầu dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. (Điều 65 Luật Tương trợ tư pháp).

Điều 7 Nghị định số 92/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/8/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật tương trợ tư pháp cũng chỉ rõ trách nhiệm của Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan trong công tác tương trợ tư pháp “*Chậm nhất là ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao gửi Thông báo cho Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về lĩnh vực thuộc thẩm quyền của mình theo quy định tại các Điều 63, 64, 65, 66 và 67 của Luật Tương trợ tư pháp*”.

Hiện nay, Vụ Pháp chế - Bộ Công an được giao nhiệm vụ làm đầu mối tiếp nhận và đề xuất việc thực hiện các ủy thác tư pháp về hình sự với nước ngoài do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến (trong đó có cả các yêu cầu liên quan đến các vụ việc hình sự thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra của lực lượng An ninh nhân dân và Cơ quan điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân); tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định việc dẫn độ và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù.

2. Thực tiễn thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp của Bộ Công an

2.1. Về đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế về dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

Từ khi Luật Tương trợ tư pháp có hiệu lực cho đến ngày 22/10/2012, Bộ Công an đã chủ trì đề xuất, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao tiến hành đàm phán 02 hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, 04 hiệp định về dẫn độ, 05 hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Trong đó có 08 hiệp định đã được ký kết. Hiện nay, Bộ Công an đang đàm phán hoặc đề xuất ký chính thức nhiều Hiệp định về dẫn độ và Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù với các nước khác nhau như: Cộng hòa Nam Phi, Vương quốc Tây Ban Nha, Vương quốc Cam-pu-chia, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Hung-ga-ry, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a,...

2.2. Về công tác xây dựng các quy định pháp luật trong nước hướng dẫn thi hành Luật tương trợ tư pháp.

Trong thời gian vừa qua, Bộ Công an đã và đang xúc tiến đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự thảo các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Tương trợ tư pháp. Đồng thời, Bộ Công an cũng đang từng bước triển khai và xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Ngành với các Bộ, ngành hữu quan trong thực hiện nhiệm vụ tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Trong đó, Bộ Công an đã ban hành một số văn bản sau:

- Thông tư số 63/2012/TT-BCA ngày 29 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong công an nhân dân.

- Kế hoạch đàm phán, ký kết, phê duyệt, phê chuẩn, gia nhập và triển khai thực hiện điều ước quốc tế liên quan đến phòng, chống tội phạm, tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù (kèm theo Quyết định số 3547/QĐ-BCA-V19 ngày 26/8/2011);

- Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tham nhũng của lực lượng Công an nhân dân.

Bên cạnh đó, Bộ Công an hiện đang tiếp tục hoàn thiện một số dự thảo thông tư bao gồm:

- Dự thảo Thông tư của Bộ Công an về quan hệ phối hợp trong lực lượng Công an nhân dân trong thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù;

- Dự thảo Thông tư liên ngành Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành hình phạt tù;

- Dự thảo thông tư liên ngành hướng dẫn một số quy định của Luật tương trợ tư pháp về dẫn độ.

2.3. Về cơ chế phối hợp giữa Bộ Công an và các Bộ, ngành

Thứ nhất, cơ chế phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Tư pháp (cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động tương trợ tư pháp), Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao hiện đang được triển khai hiệu quả. Định kỳ sáu tháng, hàng năm, theo quy định của Điều 65 Luật Tương trợ tư pháp, Bộ Công an thông báo với Bộ Tư pháp tình hình thực hiện yêu cầu dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù. Bộ Công an cũng tiến hành đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Chủ trì thành lập các đoàn đàm phán liên ngành (với sự tham gia của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao) để đàm phán các hiệp định này.

Thứ hai, bên cạnh thực hiện phối hợp chung, do điều kiện lịch sử, trong rất nhiều Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình ký kết với các nước Đông Âu trước đây quy định cơ quan đầu mối về dẫn độ là Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong khi đó, kể từ khi Luật tương trợ tư pháp được ban hành năm 2007, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã không tiếp tục triển khai chức năng này mà Bộ Công an là cơ quan đầu mối về dẫn độ, nên đã gây nhiều khó khăn trong việc chuyển, tiếp nhận các yêu cầu dẫn độ. Vì vậy, trong thời gian tới, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần thống nhất, trao đổi với phía nước ngoài về việc thay đổi cơ quan đầu mối về dẫn độ của Việt Nam để có sự thống nhất giữa quy định của điều ước quốc tế và pháp luật trong nước, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác dẫn độ.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đánh giá

Thực tiễn công tác tương trợ tư pháp cho thấy, việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cũng như hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan tập trung ở các nhóm nhiệm vụ ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật TTTP; hoạt động đàm phán, ký kết và thực thi các hiệp định về tương trợ tư pháp; hoạt động ủy thác tư pháp; các hoạt động quản lý nhà nước khác. Vì vậy, Báo cáo xin đưa ra một số đánh giá về kết quả đạt được cũng như bất cập, hạn chế trong triển khai công tác tương trợ tư pháp như sau:

1. Về hoạt động thi hành Luật tương trợ tư pháp

a. Về ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật TTTP, có thể đánh giá rằng, kể từ sau Luật TTTP và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành Luật này được ban hành, hệ thống các quy định pháp luật về tương trợ tư pháp đã được hoàn thiện một bước đáng kể, quy định thống nhất về phạm vi tương trợ tư pháp, quy trình, thủ tục thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp giúp cho việc xử lý các ủy thác tư pháp trong nội bộ các cơ quan được thông suốt. Hoạt động tương trợ tư pháp trong cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù đã được điều chỉnh tập trung tại một văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có hiệu lực pháp lý cao là Luật TTTP. Đặc biệt, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành hữu quan được quy định trong Luật TTTP và Nghị định 92 đã tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan này chủ động phối hợp trong hoạt động tương trợ tư pháp, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong hoạt động này.

b. Về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ về tương trợ tư pháp, những lớp bồi dưỡng kiến thức được thực hiện sau khi Luật được ban hành cùng với các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật nêu trên đã góp phần bước đầu nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức cũng như của người dân về ý nghĩa, vai trò, nội dung và việc triển khai thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp của các cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, kỹ năng nghiệp vụ thực hiện ủy thác tư pháp của các cán bộ ở địa phương cũng bước đầu được nâng cao thông qua tập huấn, trao đổi nghiệp vụ, giúp dần nâng cao hiệu quả hoạt động ủy thác tư pháp

c. Về hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu về tương trợ tư pháp, các Bộ, ngành đều mỗi đều nhận thức rõ về sự cần thiết của việc thiết lập một hệ cơ sở dữ liệu toàn diện về tương trợ tư pháp trong đó không chỉ cung cấp và cập nhật các thông tin về pháp luật trong nước mà còn bao gồm các điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài về tương trợ tư pháp. Trong thời gian qua, bước đầu các Bộ, ngành đều đã triển khai xây dựng phần mềm để quản lý hồ sơ ủy thác tư pháp trong Bộ, ngành mình, tập hợp và đăng tải trên trang mạng của Bộ, ngành các văn bản pháp luật và điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp.

d. Về hoạt động đàm phán, ký kết và thực thi các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp

Đánh giá về hoạt động đàm phán, ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp có thể nhận thấy rõ những bước tiến đáng ghi nhận. Trong 4 năm kể từ khi Luật TTTP được ban hành, công tác đàm phán, ký kết điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp ngày càng phát triển. Các Hiệp định tương trợ tư pháp được đàm phán, ký kết trong thời gian gần đây đều có nội dung phù hợp với các quy định của Hiến pháp, Luật Tương trợ tư pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Việt Nam;

Công tác đàm phán điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp được coi trọng. Số lượng các điều ước được đề xuất đàm phán, ký kết ngày càng tăng trong tất cả các lĩnh vực tương trợ tư pháp: dân sự, hình sự, dẫn độ, chuyển giao người chấp hành hình phạt tù. Những kết quả này đã góp phần trực tiếp hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về đẩy mạnh hội nhập quốc tế, thực hiện chủ trương “Tham gia các điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp” của Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về việc ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và chủ trương “Tiếp tục ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống” của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư đến 2020.

Các Hiệp định, thỏa thuận về tương trợ tư pháp được ký kết và đi vào thực hiện đã tạo cơ sở pháp lý góp phần kịp thời tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các nước. thời xử lý những vấn đề pháp lý phát sinh giữa cá nhân, tổ chức của hai Bên⁶.

⁶Thoả thuận được ký năm 2010 và có hiệu lực từ tháng 3/2012. Trước khi Thoả thuận có hiệu lực, yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam sang Đài Loan không có kết quả. Sau khi Thoả thuận có hiệu lực, qua số liệu thống kê 9 tháng đầu năm 2012 cho thấy ủy thác tư pháp của Việt Nam sang Đài Loan đã có kết quả đạt trên 50%.

Đặc biệt, việc đẩy mạnh hợp tác đa phương trong lĩnh vực tương trợ tư pháp đã đạt được những bước tiến đáng ghi nhận, góp phần trực tiếp vào việc nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong hợp tác khu vực cũng như ở tầm đa phương. Là nước đề xuất và chủ trì triển khai “*Sáng kiến về tăng cường tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa các quốc gia thành viên ASEAN*”, Việt Nam đã thể hiện vai trò tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong hợp tác tư pháp và pháp luật trong khu vực ASEAN, góp phần trực tiếp cho bước phát triển mới trong hợp tác về tương trợ tư pháp về dân sự và thương mại trong ASEAN, nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của tương trợ tư pháp trong hợp tác pháp luật và tư pháp trong khối ASEAN. Ở tầm đa phương, khi gia nhập Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, tham gia vào các Công ước của Hội nghị, Việt Nam sẽ được tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng và hoàn thiện các nền tảng pháp lý quốc tế đa phương trong lĩnh vực tư pháp quốc tế đang ngày càng phát triển, qua đó đưa được quan điểm, tiếng nói của Việt Nam đến với trường quốc tế, góp phần xây dựng và nâng cao vai trò, vị trí của Việt Nam trong hoạt động hợp tác về tư pháp quốc tế ở cấp độ toàn cầu. Việc Việt Nam chính thức xin gia nhập Hội nghị La Hay đánh dấu sự hội nhập sâu rộng của Việt Nam vào đời sống pháp lý quốc tế, là minh chứng thể hiện sự sẵn sàng hợp tác của Việt Nam với các nước trong khu vực nói riêng và trên thế giới nói chung trong việc cùng hỗ trợ nhau giải quyết những yêu cầu pháp lý về tư pháp quốc tế.

e. Hoạt động tương trợ tư pháp

Thực tiễn thực hiện ủy thác tư pháp trong 4 năm qua ở cả 4 lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyên giao người chấp hành hình phạt tù cho thấy nổi lên một số điểm như sau:

Trong thời gian qua, các cơ quan đầu mối thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp đã luôn cố gắng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Luật Tương trợ tư pháp nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả các ủy thác tư pháp nhận được. Ngay sau khi nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp, các cơ quan đều khẩn trương nghiên cứu, rà soát hồ sơ và làm thủ tục chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hay của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thực hiện và nhanh chóng trả lời lại cơ quan, nước yêu cầu thực hiện ủy thác khi có kết quả. Việc thực hiện ủy thác đã bắt đầu đi vào nề nếp, bài bản, các hồ sơ ủy thác tư pháp được lưu giữ, theo dõi có hệ thống, có sổ liệu thống kê hàng năm.

Yêu cầu ủy thác tư pháp đi/đến được xử lý hàng năm ngày càng tăng về số lượng, phức tạp và đa dạng hơn về nội dung, đối tượng, nước thực hiện/yêu cầu

thực hiện ủy thác tư pháp. Các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp đến của nước ngoài đạt kết quả khá tốt (trong lĩnh vực ủy thác tư pháp về dân sự đạt 34,9%, trong lĩnh vực hình sự là 62,2% theo báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao). Tuy nhiên, kết quả cơ quan nước ngoài thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp đi của cho Việt Nam thì có sự khác biệt giữa lĩnh vực hình sự và dân sự. Theo báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, phía nước ngoài thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp về hình sự cho các cơ quan của Việt Nam đạt kết quả khá tốt (54/68 hồ sơ yêu cầu đã thực hiện được). Trong khi đó, lượng ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài được thực hiện rất hạn chế (chỉ đạt 16,7%).

2. Về tổ chức, phối hợp

Kể từ khi Luật TTTP được ban hành, công tác tổ chức và cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp ở Trung ương đã được các Bộ, ngành quan tâm kiện toàn với việc hình thành được bộ máy chuyên trách về các lĩnh vực tương trợ tư pháp ở các cơ quan đầu mối, phân công, phân nhiệm rõ ràng cho các đơn vị, bố trí cán bộ có trình độ, năng lực.

Thực hiện quy định của Luật TTTP, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã hình thành một mạng lưới các cán bộ chuyên trách về hoạt động tương trợ tư pháp, thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực thi Luật TTTP, đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp, tiếp nhận, chuyển giao, giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp. Hàng năm, Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp đều chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức hoạt động tổng kết, báo cáo công tác tương trợ tư pháp theo quy định của Luật TTTP để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tương trợ tư pháp.

Có thể đánh giá, công tác phối hợp giữa các cơ quan trung ương trong lĩnh vực tương trợ tư pháp trong thời gian qua được thực hiện rất chặt chẽ và hiệu quả, theo đúng quy định. Vừa qua các Bộ, ngành đã phối hợp xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế, phối hợp thực hiện rà soát pháp luật về tương trợ tư pháp; các hoạt động đàm phán điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong các lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù đều có sự tham gia của các Bộ, ngành có liên quan; hoạt động phối hợp tổ chức các cuộc họp định kỳ về tương trợ tư pháp, thường xuyên phối hợp trao đổi, thông tin giải quyết khó khăn vướng mắc trong tương trợ tư pháp, định kỳ 6 tháng và hàng năm đã được thực

hiện đều đặn. Đặc biệt, hoạt động phối hợp liên ngành đã hỗ trợ rất hiệu quả trong việc giải quyết các yêu cầu tương trợ cụ thể gặp vướng mắc (ví dụ: yêu cầu cam kết liên quan đến việc áp dụng hình phạt tử hình tại Việt Nam trước khi nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự cho Việt Nam, các vụ việc liên quan đến đối tượng là người được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao, các vụ việc phức tạp, nhạy cảm...).

Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trung ương với các cơ quan địa phương cũng bắt đầu được thiết lập và củng cố. Trong quá trình tiếp nhận các yêu cầu TTTP, các đơn vị đầu mối về tương trợ tư pháp ở Trung ương đã thường xuyên hướng dẫn cho các cơ quan tiến hành tố tụng về cách lập hồ sơ yêu cầu TTTP cũng như nội dung cần thể hiện trong yêu cầu để đảm bảo đúng quy định của Luật TTTP, giúp cho việc thực chủ động liên hệ với đơn vị đầu mối đề nghị hướng dẫn trước khi lập hồ sơ yêu cầu TTTP gửi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để đảm bảo đúng thủ tục, rút ngắn tiến độ thực hiện, giúp cho quá trình giải quyết các vụ án có yếu tố nước ngoài ở địa phương được thuận lợi.

Tóm lại, với một hệ thống các quy định pháp lý khá toàn diện và một tổ chức bộ máy với chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, có thể đánh giá hoạt động tương trợ tư pháp đã bước đầu có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động tương trợ tư pháp trong cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù bắt đầu đi vào nề nếp, bài bản và chuyên nghiệp: *Về tổ chức*, đã hình thành được bộ máy chuyên trách ở các cơ quan đầu mối và thiết lập được hệ thống phối kết hợp giữa các cơ quan, cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp giữa các Bộ, ngành và giữa cơ quan trung ương và cơ quan địa phương; *Về công tác điều ước quốc tế*, hoạt động đàm phán, ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù đều được đẩy mạnh không chỉ ở phạm vi song phương mà cả ở phạm vi khu vực và đa phương; *Về hoạt động ủy thác tư pháp*, các Bộ, ngành đã xử lý một khối lượng ủy thác tư pháp lớn, ngày càng gia tăng về số lượng và phức tạp về nội dung, tuy chưa đạt kết quả như mong muốn nhưng đã từng bước góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động tố tụng dân sự và hình sự; *Nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của hoạt động tương trợ tư pháp* đã có nhiều chuyển biến tích cực; các Bộ, ngành đã dành sự quan tâm và đầu tư cho hoạt động này. Dù còn những hạn chế, bất cập nhất định nhưng vị trí, vai trò của công tác tương trợ tư pháp ngày càng được nâng cao, hợp tác về tương trợ tư pháp ngày càng đi vào chiều sâu, nội dung thực chất hơn để hỗ trợ cho các cơ quan tư pháp thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, hoạt động tương trợ tư pháp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể là:

a. Trong hoạt động phối hợp thực thi Luật TTTP

- Việc phổ biến và bồi dưỡng kiến thức pháp luật, pháp luật quốc tế, hướng dẫn nghiệp vụ tương trợ tư pháp cho các cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp còn chưa thường xuyên và chưa được đầu tư thích đáng.

- Công tác kiểm tra liên ngành đối với hoạt động tương trợ tư pháp chưa được quan tâm triển khai. Công tác báo cáo đánh giá định kỳ, rút kinh nghiệm đối với công tác tương trợ tư pháp mặc dù đã được thực hiện nhưng chưa được các Bộ, ngành quan tâm và đầu tư đúng mức, còn mang nặng tính chất báo cáo hành chính mà chưa đi sâu đánh giá, tổng kết theo các yêu cầu về cải cách pháp luật, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật (bao gồm các văn bản pháp luật trong nước, các điều ước quốc tế có liên quan) để phục vụ cho công tác tương trợ tư pháp mới được thực hiện bước đầu riêng lẻ ở các cơ quan dẫn đến những khó khăn cho các cơ quan thực hiện tương trợ tư pháp.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật mới được thực hiện một phần, chủ yếu tập trung vào công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, tiến độ của hoạt động này cũng chưa đúng kế hoạch. Những nội dung khác như xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng công tác theo dõi thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp, bố trí nhân lực chưa được quan tâm đúng mức.

Nguyên nhân của những bất cập nêu trên có thể kể đến là: (1) Hoạt động tương trợ tư pháp được điều chỉnh bởi nhiều văn bản QPPL thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau do đó khó tránh khỏi tình trạng trong những văn bản QPPL đã được ban hành trước khi Luật TTTP có hiệu lực còn có những điểm chưa thống nhất hay chưa phù hợp với yêu cầu của hoạt động tương trợ tư pháp; Bên cạnh đó, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật hầu hết là văn bản liên tịch nên phải có sự tham gia trực tiếp và thống nhất ý kiến của tất cả các cơ quan liên quan. Tuy nhiên, việc tổ chức nội bộ và phân công của các Bộ, ngành cho công tác soạn thảo văn bản còn hạn chế, chưa khoa học và phối hợp liên ngành chưa nhịp nhàng và đều khắp trong tất cả 4 lĩnh vực tương trợ tư pháp: dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. (2) Nhận thức của các Bộ, ngành về công tác tương trợ tư pháp, trong đó bao gồm cả việc đầu tư, quan tâm xây dựng

thể chế, cán bộ, quản lý nhà nước cho lĩnh vực này, dù đã có tiến bộ, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

b. Trong hoạt động đàm phán, ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế

- Công tác rà soát, đánh giá thực thi các Hiệp định tương trợ tư pháp đã ký với các nước (đặc biệt là các nước XHCN trước đây) để từ đó rút ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề ra các giải pháp giải quyết chưa thực sự được chú trọng thực hiện.

- Các Bộ ngành chưa đầu tư thích đáng cho việc tham gia các cơ chế đa phương về tương trợ tư pháp (ngoại trừ trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, việc tham gia các điều ước quốc tế đa phương đã có những bước tiến đáng kể). Đặc biệt, trong tương trợ tư pháp về dân sự, Việt Nam vẫn chưa gia nhập bất kỳ Công ước đa phương nào về tương trợ tư pháp trong hệ thống các Công ước La Hay về tư pháp quốc tế, mặc dù gần đây đã có bước đầu nghiên cứu, việc gia nhập một số thiết chế đa phương này. Đây là điểm rất bất cập trong bối cảnh các nước mà Việt Nam quan tâm hợp tác thì đã tham gia các thiết chế đa phương La Hay và không muốn ký kết điều ước quốc tế song phương.

- Chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ đàm phán chuyên nghiệp, có trình độ pháp lý chuyên sâu, có kỹ năng đàm phán, có trình độ ngoại ngữ ở mức ngang tầm với yêu cầu công việc, nhất là việc đàm phán các Hiệp định tương trợ tư pháp thường liên quan đến các vấn đề pháp lý quốc tế phức tạp khi hệ thống pháp luật của các nước còn khác nhau.

- Trách nhiệm phối hợp giữa các Bộ, ngành trong công tác đàm phán, ký kết và thực thi các hiệp định tương trợ tư pháp vẫn là vấn đề cần được củng cố và tăng cường.

c. Trong hoạt động thực hiện ủy thác tư pháp

- Thời gian thực hiện các ủy thác tư pháp trong cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù còn dài (nhiều trường hợp kéo dài hàng năm) không đáp ứng yêu cầu về thời gian xét xử trong nước, làm ảnh hưởng đến quá trình tố tụng.

- Kết quả ủy thác tư pháp trong lĩnh vực dân sự hạn chế đã dẫn đến các tác động tiêu cực về kinh tế, xã hội. Do ủy thác tư pháp ra nước ngoài chậm hoặc không có kết quả trong khi thời hạn tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng trong nước lại ngắn đã gây khó khăn cho quá trình giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. Nhiều trường hợp không nhận được kết quả ủy thác làm kéo dài thời gian xét xử, án tồn đọng, trường hợp đã xét xử thì không thể chuyển hồ

sơ nếu có kháng cáo, kháng nghị. Có những trường hợp người dân bức xúc vì sự chậm chễ trong xét xử kéo dài, những thiệt hại về quyền lợi mà khi xét xử những thiệt hại này không được bù đắp, ảnh hưởng đến cuộc sống vật chất, tinh thần của các bên liên quan. Các cơ quan nhà nước thì tồn kém về nhân lực, tài lực.

Có thể thấy hiệu quả công tác ủy thác tư pháp còn hạn chế do những bất cập trong quá trình thực hiện công tác ủy thác tư pháp của bản thân các cơ quan của Việt Nam, cụ thể như: Thiếu sót trong hồ sơ ủy thác tư pháp: Hồ sơ yêu cầu nước ngoài thực hiện ủy thác do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam lập không đúng quy định của Luật TTTP cả về nội dung lẫn hình thức; Quy trình thực hiện ủy thác không đúng; Hồ sơ và thủ tục yêu cầu nước ngoài thực hiện ủy thác tư pháp không đúng theo quy định pháp luật của nước nhận yêu cầu, kể cả việc đóng lệ phí nên các hồ sơ này dù đã được gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nhưng cũng không được thực hiện; Công tác thống kê, theo dõi và quản lý hồ sơ ủy thác tư pháp được thực hiện thủ công trong một khoảng thời gian trước khi áp dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho công tác này.

Những hạn chế, bất cập nêu trên là xuất phát từ nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan, đó là:

- Quy định pháp luật hiện hành trong nước về tương trợ tư pháp cũng vẫn còn những khoảng trống, chưa đồng bộ làm cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan còn gặp lúng túng trong quá trình thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp. Pháp luật tố tụng trong nước (như Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự) chưa tính hết yếu tố đặc thù của các vụ việc có yếu tố nước ngoài cần ủy thác tư pháp, nên hiện nay quy trình, thời hạn tố tụng vẫn được áp dụng chung như với các vụ việc trong nước trong khi yêu cầu tương trợ tư pháp thường làm thời gian tố tụng kéo dài hơn. Bên cạnh đó, việc các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành chỉ viện dẫn chung là áp dụng các quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp trong khi đó Luật Tương trợ tư pháp lại chưa có các quy định về những nội dung đặc thù cho hoạt động tương trợ tư pháp trong lĩnh vực này hoặc quy định pháp luật hiện hành về tương trợ tư pháp còn một số khoảng trống so với yêu cầu thực tế nên dẫn đến tình trạng thiếu cơ sở pháp lý, gây khó khăn cho thực tế áp dụng giải quyết các vụ việc cụ thể. Đồng thời, sự khác nhau trong quy định pháp luật của các nước về tương trợ tư pháp cũng là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho việc thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp trong cả 4 lĩnh vực (cụ thể như pháp luật Việt Nam hiện nay có quy định hình phạt tử hình trong khi đó một số quốc gia không quy định hình phạt tử hình. Vì vậy, trong thực tiễn khi tiến hành tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, các quốc gia này đều đề nghị Việt nam cam kết không tuyên tử hình hoặc tuyên phạt nhưng

không thi hành đối với người phạm tội). Pháp luật về tố tụng hình sự của các nước cũng còn có nhiều điểm khác so với pháp luật Việt Nam, dẫn tới nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình phối hợp điều tra một số vụ án quan trọng như vụ án Đông Tây hay vụ tiền Polimer. Điều này cho thấy sự cần thiết phải có Hiệp định tương trợ tư pháp, là cơ sở pháp lý cho việc phối hợp, hỗ trợ tiến hành các hoạt động tố tụng giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các nước.

- Trong lĩnh vực dân sự, ủy thác tư pháp được thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế, trong trường hợp chưa có điều ước quốc tế thì trên cơ sở có đi có lại. Cho đến thời điểm hiện nay Việt Nam mới ký Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự với 16 nước/vùng lãnh thổ (trong đó có nhiều nước hầu như không phát sinh nhu cầu ủy thác tư pháp với Việt Nam). Do điều ước quốc tế song phương mà Việt Nam đã ký kết ít nên kết quả ủy thác tư pháp phụ thuộc rất nhiều vào sự hợp tác của nước ngoài trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại. Tuy nhiên, nguyên tắc này cũng không phát huy được tác dụng khi nhiều nước mà Việt Nam có nhu cầu cao trong hợp tác tương trợ tư pháp thì không có yêu cầu ủy thác tư pháp ngược lại với Việt Nam hay cũng không có nhu cầu đàm phán, ký kết hiệp định song phương với Việt Nam như Hoa Kỳ, Canada... (do đã tham gia thiết chế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự).

- Trình độ, nhận thức của cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu cũng là một nguyên nhân dẫn đến việc các hồ sơ ủy thác tư pháp của một số cơ quan không hợp lệ, nhiều trường hợp hồ sơ bị trả lại. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ còn chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng cũng như yêu cầu nhiệm vụ của hoạt động tương trợ tư pháp; một bộ phận cán bộ khác còn thiếu kinh nghiệm và kỹ năng trong hoạt động tương trợ tư pháp.

- Chưa có quy định pháp lý điều chỉnh cơ chế phối hợp chung giữa các Bộ, ngành; Bộ Tư pháp chưa thật sự phát huy được vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp trong việc đôn đốc các Bộ, ngành thực hiện các hoạt động theo đúng kế hoạch.

- Các Bộ, ngành trong nước chưa thật sự chủ động tích cực trong việc thiết lập và duy trì quan hệ với cơ quan đầu mối phía nước ngoài về tương trợ tư pháp để có thể kịp thời trao đổi, xử lý các vướng mắc trong thực tiễn thực hiện ủy thác tư pháp giữa hai bên.

- Hoạt động ủy thác tư pháp đòi hỏi một nguồn kinh phí cho toàn bộ các cơ quan từ trung ương đến địa phương để thực hiện. Tuy nhiên, đến nay, việc bố trí ngân sách cho hoạt động này chủ yếu từ nguồn kinh phí thường xuyên nên rất hạn chế.

II. Đề xuất, kiến nghị

Qua đánh giá hình hình thực hiện Luật TTTP có thể thấy các hoạt động tương trợ tư pháp gồm nhiều nội dung từ xây dựng văn bản pháp luật, đàm phán ký kết các hiệp định, thực hiện ủy thác tư pháp và quản lý nhà nước trong lĩnh vực này đến theo dõi thực thi pháp luật. Đồng thời, công tác tương trợ tư pháp liên quan đến nhiều Bộ, ngành, từ cấp trung ương đến địa phương, từ các cơ quan quản lý nhà nước, xây dựng chính sách đến cơ quan trực tiếp thực thi pháp luật. Hiệu quả của hoạt động tương trợ tư pháp tác động trực tiếp đến công tác xét xử, điều tra, thi hành án của các cơ quan nhà nước ta và tác động trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức có liên quan. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các vấn đề pháp lý về dân sự, thương mại, hình sự có liên quan đến yếu tố nước ngoài cũng sẽ ngày càng gia tăng, cần vào tương trợ tư pháp. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả của công tác tương trợ tư pháp là nhu cầu cấp thiết của sự phát triển, là nhiệm vụ đặt ra đối với các cơ quan có liên quan. Từ thực tiễn tình hình thực hiện Luật TTTP cho thấy, để nâng cao hiệu quả công tác tương trợ tư pháp, các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan ở các cấp cần triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp thực hiện tốt các quy định của Luật TTTP.

Nhằm thực hiện có hiệu quả Luật TTTP, khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong công tác tương trợ tư pháp, căn cứ vào thực tiễn công tác tương trợ tư pháp thời gian qua, Báo cáo xin đề xuất các cơ quan có liên quan cần thực hiện các giải pháp sau đây:

1. Về công tác xây dựng hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp

- Cần nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật TTTP và các đạo luật chuyên ngành có liên quan cho thống nhất, đồng bộ, phù hợp thực tiễn.
- Cần chuẩn bị tổng kết 5 năm thi hành Luật TTTP.

2. Về công tác điều ước quốc tế

- Thực hiện tổng rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các Hiệp định tương trợ tư pháp đã có hiệu lực để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thông qua việc tăng cường công tác tổ chức thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung hay đàm phán mới các hiệp định này.
- Xây dựng Kế hoạch dài hạn về đàm phán, ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế song phương và đa phương về tương trợ tư pháp;

- Xây dựng Đề án nghiên cứu khả năng của Việt Nam gia nhập Công ước La Hay về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại;

- Tập hợp, đăng và xuất bản toàn văn các Hiệp định liên quan đến tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

3. Công tác thực hiện ủy thác tư pháp

- Chuẩn hóa quy trình thực hiện ủy thác tư pháp. Xây dựng và ban hành các biểu mẫu hồ sơ thực hiện ủy thác tư pháp nhằm hỗ trợ cho các cơ quan thực hiện ủy thác tư pháp được thống nhất, đúng quy định

- Rà soát, đánh giá việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong thực hiện ủy thác tư pháp đối với các nước.

- Áp dụng công nghệ thông tin cho công tác ủy thác tư pháp. Sớm hoàn thiện và đưa vào ứng dụng phần mềm hệ cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ ủy thác tư pháp.

- Nghiên cứu khả năng xã hội hóa một số hoạt động tương trợ tư pháp.

4. Quản lý nhà nước

- Các Bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo Luật TTTP và triển khai đồng bộ trong lĩnh vực mình phụ trách. Cải thiện công tác thông tin, thống kê và phối hợp liên ngành trong công tác tương trợ tư pháp.

- Tăng cường công tác thông tin về công tác tương trợ tư pháp. Xây dựng một hệ cơ sở dữ liệu liên ngành về tương trợ tư pháp trong đó cung cấp các thông tin cập nhật phục vụ cho công tác tương trợ tư pháp như hệ thống các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp, các văn bản pháp luật có liên quan, các thông tin về ủy thác tư pháp, các thông tin về pháp luật các nước về tương trợ tư pháp.

- Cần phổ biến, công bố và thường xuyên cập nhật các điều ước quốc tế liên quan đến tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký kết, tham gia cũng như các quy định pháp luật của các nước về tương trợ tư pháp.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực tương trợ tư pháp.

- Hoạt động tổng kết, đánh giá hoạt động tương trợ tư pháp cần đi vào thực chất hơn, bám sát yêu cầu phục vụ hoạt động tố tụng trong nước, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế.

- Tăng cường các điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện để phục vụ tốt hơn cho hoạt động tương trợ tư pháp.

5. Về tổ chức và cơ chế phối hợp

- Tiếp tục hoàn thiện về tổ chức và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp tại các Bộ, ngành và địa phương. Cần xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi trong công tác này, cả về chuyên môn pháp luật quốc tế và ngoại ngữ. Gắn công tác tương trợ tư pháp với các vấn đề tư pháp quốc tế khác, kể cả giải quyết các tranh chấp quốc tế, để tận dụng được nguồn lực cán bộ còn mỏng hiện nay. Quan tâm tới công tác cán bộ làm tương trợ tư pháp tại một số địa phương có số lượng ủy thác lớn. Nghiên cứu xây dựng đề án về công tác tổ chức và cán bộ trong lĩnh vực này.

- Bộ Tư pháp cần tăng cường phát huy tốt vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp theo quy định hiện hành.

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, đặc biệt là phối hợp giữa các đơn vị đầu mối và cán bộ trực tiếp thực hiện của các Bộ, ngành để trao đổi thông tin nhanh chóng và giải quyết kịp thời các yêu cầu tương trợ cũng như các vụ việc cần có sự thống nhất của liên ngành, đảm bảo phù hợp với đường lối ngoại giao của Đảng và Nhà nước, phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế.

- Giữa các cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực nên xây dựng Quy chế phối hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các yêu cầu tương trợ

- Tăng cường trao đổi với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về những vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện các ủy thác tư pháp với Việt Nam để có hướng xử lý thích hợp. Các cơ quan đầu mối trong công tác tương trợ tư pháp cần chú trọng và tăng cường thiết lập và củng cố quan hệ hợp tác trực tiếp với các cơ quan thực hiện tương trợ tư pháp của các nước để thúc đẩy tiến độ và nâng cao kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam ra nước ngoài;

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cơ quan, các biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong công tác tương trợ tư pháp./